

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI
O TÀNG ĐỒNG NAI

680.095 977 5

ĐC

NGH 250 N

Nghề nấu MÍA ĐƯỜNG

THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG Ở VĨNH CỬU



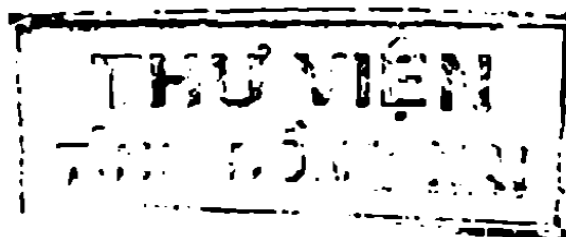
NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

**NGHỀ NẤU MÍA ĐƯỜNG
THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG
Ở VĨNH CỬU**

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ĐỒNG NAI
BẢO TÀNG ĐỒNG NAI

NGHỀ NẤU MÍA ĐƯỜNG THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG Ở VĨNH CỬU

2015/ĐC/W 718



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Chỉ đạo biên soạn

LƯU VĂN DU

Biên soạn nội dung

NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG

LÊ XUÂN HẬU

TRẦN MINH TRÍ

NGUYỄN TRẦN KIỆT

NGUYỄN THỊ TUYẾT TRINH

LÊ THỊ ÁI VÂN

VŨ VĂN THUÂN

PHẠM TRUNG TRỰC

PHẦN A

TỔNG QUAN VỀ VÙNG ĐẤT - CON NGƯỜI HUYỆN VINH CỬU

CHƯƠNG MỘT

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Huyện Vĩnh Cửu xưa kia thuộc huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, trấn Biên Hòa. Trong tác phẩm *Gia Định thành thông chí*, Trịnh Hoài Đức đã mô tả vị trí của huyện Phước Chánh như sau: “Phía đông giáp bên đò Thị Nghĩ, chợ thôn Bình Dương tổng Long Vĩnh, huyện Long Thành đến sát núi rừng; phía tây giáp man sách đầu nguồn, phía nam giáp huyện Bình An từ núi Chiêu Thái (Châu Thới) liền đến xứ Ba Đốc sông Thị Kiên; phía bắc giáp man sách rừng lớn”¹.

Trong tác phẩm *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, tỉnh Biên Hòa cũng đã mô tả về huyện Phước Chánh như sau: “Đông tây cách nhau 35 dặm, nam bắc cách nhau 29 dặm, phía đông đến địa giới huyện Phước Bình 25 dặm, phía tây đến địa giới huyện Bình An 8 dặm, phía nam đến địa giới huyện Nghĩ An 22 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phước Bình 7 dặm. Nguyên là tổng Tân Chính, năm Gia Long thứ 7 (1808) đặt hai tổng Phước Vĩnh và Chánh Mỹ, do đó gọi tên là huyện Phước Chính”².

1 *Địa chí Đồng Nai*, tập 2, NXB Đồng Nai 2001, trang 39.

2 *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, NXB Thuận Hóa 2006, trang 42.

Huyện Vĩnh Cửu (trước đây gọi là thị xã Vĩnh An) được thành lập theo Nghị định số 109/CP ngày 29/8/1994 của Chính phủ. Vị trí địa lý nằm ở phía tây bắc tỉnh Đồng Nai, phía bắc giáp huyện Đồng Phú và Bù Đăng tỉnh Bình Phước, phía nam giáp thành phố Biên Hòa và huyện Thống Nhất, phía đông giáp huyện Định Quán và Thống Nhất, phía tây giáp huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tổng diện tích tự nhiên là 109.256 ha, chiếm 18,52% diện tích tự nhiên toàn tỉnh. Toàn huyện có 12 đơn vị hành chính gồm: Thị trấn Vĩnh An và các xã Trị An, Thiện Tân, Bình Hòa, Tân Bình, Tân An, Bình Lợi, Thạnh Phú, Vĩnh Tân, Phú Lý, Mã Đà, Hiếu Liêm. Dân số 110.577 người.

Trên địa bàn huyện có hệ thống giao thông tương đối thuận lợi:

- Về đường bộ có đường tỉnh lộ 762, 768, 767 là các tuyến giao thông chính tạo các mối liên kết mật thiết giữa các xã và nối liền huyện Vĩnh Cửu với Quốc lộ I và thành phố Biên Hòa. Bên cạnh đó, tỉnh lộ 322 còn nối liền huyện Vĩnh Cửu với tỉnh Bình Phước tạo nên sự thuận tiện trong việc giao lưu kinh tế của huyện với bên ngoài.

- Về đường thủy có đoạn trung lưu thuộc hệ thống sông Đồng Nai chảy đến Trị An dòng sông mở rộng uốn khúc quanh co, độ dốc bình quân dưới 1% giúp cho việc giao thông đi lại thuận tiện hơn. Ở những chỗ chuyển tiếp của các bậc thềm, độ dốc tăng, hình thành những thác, ghềnh, tạo điều kiện tốt cho việc xây dựng nhà máy thủy điện Trị An.

Một trong những phụ lưu quan trọng của sông Đồng Nai trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu là sông Bé. Sông Bé là phụ lưu lớn nhất bên bờ phải, bắt nguồn từ phía tây của Nam Tây Nguyên nơi có độ cao từ 600 m - 800 m, diện tích hứng nước tính tới Hiếu Liêm vào khoảng 7.650 km², ứng với chiều dài của sông từ nguồn đến nơi hợp lưu với sông Đồng Nai là 344 km².

Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có hồ Trị An với diện tích 285 km² (trong địa phận huyện Vĩnh Cửu là 165 km²) dung tích khoảng 2.542 tỷ m³; hồ Bà Hào, hồ Mo Nang và 03 đập (Ông Hường, Thạnh Phú, Bến Xúc). Cả hai sông và các hồ này đều đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp nước tưới cho diện tích canh tác, cho công nghiệp, cho sinh hoạt và tạo điều kiện cho giao thông đường thủy phát triển trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu.

2. Địa hình, thổ nhưỡng

** Địa hình:*

Địa hình huyện Vĩnh Cửu được chia thành 2 vùng chủ yếu gồm: đồng bằng bóc mòn, nâng vòm yếu, rửa trôi - xâm thực và đồng bằng đồi thềm, hạ tích tụ và nâng yếu, rửa trôi - xâm thực.

Khu vực đồng bằng bóc mòn, nâng vòm yếu, rửa trôi chủ yếu thuộc khu vực vùng Mã Đà, Hiếu Liêm, Phú Lý giáp với vùng Nam Cát Tiên, chiếm 78,86% diện tích tự nhiên (86.115 ha). Về mặt hình thái, các khu vực này thuộc

dạng đồng bằng đồi được nâng vòm yếu thuộc bề mặt san bằng Pliocen muộn, Pleistocen sớm bằng phẳng hoặc lượn sóng thoải. Các dòng chảy nhỏ dạng tỏa tia, sông Mã Đà, sông Đồng Nai, suối Sà Mách chảy ôm quanh rìa vòm. Cao trình cao nhất khoảng 340 m và thấp dần xuống phía nam còn 10 - 20 m. Trong đó độ dốc dưới 3° chiếm 10,26% diện tích tự nhiên; độ dốc 0° - 8° chiếm 0,65%; độ dốc 8° - 15° chiếm 1,23%; độ dốc trên 15° chiếm 66,68%. Trừ phần diện tích xâm thực dọc theo các sông suối, khu vực Mã Đà là một đồng bằng đồi bằng - thoải rất thuận lợi cho việc phát triển giao thông, nông nghiệp và lâm nghiệp.

Khu vực đồng bằng đồi thềm, hạ tích tụ và nâng yếu, rửa trôi - xâm thực phân bố ở các xã phía tây nam của huyện gồm các xã Bình Lợi, Thạnh Phú, Tân Bình, Thiện Tân, Bình Hòa với cao trình nơi cao nhất 10 - 20 m, nơi thấp nhất 1 - 2 m. Về mặt hình thái khu vực này thuộc đồng bằng đồi thềm hạ tích tụ trong Pliocen - Pleistocen thượng, nâng yếu tạo thềm bậc IV, III, II và I từ Pleistocen giữa đến Holocen. Các bậc thềm này tuy có độ cao khác nhau nhưng lại liên kết với nhau trên cơ sở các bề mặt cùng nguồn gốc, cùng được nâng lên, rửa trôi là chủ yếu và xâm thực. Do vậy, bề mặt ngang và gần ngang là chủ yếu rất thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp mà chủ yếu là sản xuất lúa nước, cây ăn trái, hoa màu cạn và thuận tiện cho việc phát triển các khu dân cư, các khu đô thị, khu công nghiệp và hệ thống giao thông. Loại địa hình này chiếm 7,45% diện tích tự nhiên (8.142 ha).

Bảng thống kê các dạng địa hình, địa chất chính trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu

Dạng địa hình	Mẫu chất chính	Hiện trạng sử dụng nông nghiệp	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1. Địa hình đồi	Phù sa cổ, đá phiến sét và đá bazan	Rừng, cây lâu năm và hoa màu cạn	86.115,39	78,86
- Độ dốc < 3°			11.200,16	10,26
- Độ dốc 3° - 8°			712,05	0,65
- Độ dốc 8° - 15°			1.346,02	1,23
- Độ dốc > 15°			72.857,16	66,72
2. Địa hình đồng bằng	Phù sa mới (Holocen)	Lúa nước, cây ăn quả	7.478,21	6,85
3. Sông Hồ			15.605,78	14,29
TỔNG DIỆN TÍCH			109.199,38	100

(Nguồn: Báo cáo kế hoạch sử dụng đất từ năm 2006 - 2010, huyện Vĩnh Cửu, 2006)

* *Thổ nhưỡng:*

Kết quả nghiên cứu về thổ nhưỡng ở Đồng Nai cho

thấy Đồng Nai có quỹ đất rất phong phú và đa dạng điển hình cho vùng đất nhiệt đới ẩm hình thành nên các loại hình sử dụng đất đa dạng và phong phú. Trong đó huyện Vĩnh Cửu thuộc vùng 2 - vùng lâm nghiệp với điều kiện đất đai được hình thành chủ yếu trên bậc thềm phù sa cổ, địa hình đồi lượn sóng nhẹ. Đất đai chủ yếu là đất xám trên phù sa cổ (65%), đất đỏ trên bazan (21%), đất đen trên bazan khoảng 7%, còn lại là các đất khác thích hợp với việc trồng rừng.

Bên cạnh đó, huyện Vĩnh Cửu còn thuộc vùng 3 - vùng công nghiệp và đô thị với điều kiện đất đai được hình thành chủ yếu trên bậc thềm phù sa cổ, địa hình đồi lượn sóng nhẹ thích hợp cho việc trồng lúa nước, hoa màu, cây ăn trái.

Theo kết quả điều tra xây dựng bản đồ đất tỷ lệ 1/50.000 (năm 1997) cho thấy tài nguyên đất của Vĩnh Cửu nói chung có 5 nhóm đất chính với 11 đơn vị đất gồm nhóm đất phù sa (Fluvisol), nhóm đất đen (Luvisol), nhóm đất xám (Acrisols), nhóm đất đỏ (Ferralsols) và nhóm đất tầng mỏng. Trong đó:

- Nhóm đất phù sa có 7.748,28 ha, chiếm 7,41% diện tích tự nhiên, phân bố trên dạng địa hình đồng bằng tập trung ở các xã Tân Bình, Bình Lợi, Bình Hòa, Thiện Tân và rải rác ở các xã Tân An, Trị An, Thạnh Phú.

- Nhóm đất đen có 3.229 ha, chiếm 2,96% diện tích tự nhiên. Phân bố tập trung ở xã Vĩnh Tân và thị trấn Vĩnh An.

- Nhóm đất xám có diện tích 1.602,82 ha, chiếm 1,51% diện tích tự nhiên, phân bố trên các dạng địa hình đồi thuộc thị trấn Vĩnh An, Trị An, Bình Lợi, Thạnh Phú, Tân An và Vĩnh Tân.

- Nhóm đất đỏ có diện tích 81.058 ha, chiếm 74,19% diện tích tự nhiên. Phân bố chủ yếu ở xã Phú Lý, thị trấn Vĩnh An, Trị An, Vĩnh Tân, Tân An, Thiện Tân, Thạnh Phú, Tân Bình, Bình Lợi và Bình Hòa.

- Nhóm đất tầng mỏng hình thành chủ yếu trên mẫu chất phù sa cổ, diện tích nhỏ (225 ha). Phân bố chủ yếu ở xã Thiện Tân, Tân An, Vĩnh Tân, Phú Lý và thị trấn Vĩnh An.

3. Khí hậu, thời tiết

So với khí hậu của toàn tỉnh, khí hậu huyện Vĩnh Cửu cũng thuộc khí hậu nhiệt đới cận xích đạo, có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Trong đó, nhìn chung mùa khô thường kéo dài trong 06 tháng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến khoảng cuối tháng 10.

Nhiệt độ không khí trung bình quanh năm cao với 25 - 27°, chênh lệch nhiệt độ giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất là 4,2°C. Nhiệt độ trung bình tối cao các tháng là 29 - 35°C, nhiệt độ tối thấp trung bình tháng trong năm từ 18 - 25°C.

Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 trong đó các

tháng 7, 8, 9 là những tháng có lượng mưa lớn nhất. Lượng mưa tương đối lớn (2.000 - 2.800 mm), phân bố theo vùng và theo mùa vụ. Sự phân bố theo không gian đã hình thành 03 vành đai chính: Vành đai phía bắc giáp Bình Phước có lượng mưa rất cao trên 2.800 mm và có số ngày mưa 150 - 160 ngày; vành đai trung tâm huyện có lượng mưa 2.400 - 2.800 mm và số ngày mưa trong năm là 130 - 150 ngày; vành đai phía Nam có lượng mưa thấp nhất nhưng vẫn có trị số 2.000 - 2.400 mm. Vào mùa mưa nước nhiều, ở những vùng trũng thường xuyên bị ngập úng, lượng bốc hơi kém. Ngược lại mùa khô không có nước để sản xuất ở những vùng cao như khu vực Mã Đà, Hiếu Liêm, Tân An...

Chế độ thủy văn của huyện Vĩnh Cửu cũng bị phân hóa theo mùa: Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng nước xấp xỉ 20% lượng nước cả năm, trong mùa khô lượng dòng chảy nhỏ, nước trên sông Đồng Nai xuống thấp nên khả năng cung cấp nước bị hạn chế, gây tình trạng thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp với các vùng địa hình đồi. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 trong năm, trong mùa thường xuất hiện lũ, nước trên sông Đồng Nai dâng cao.

Hàm lượng phù sa trên sông Đồng Nai rất nhỏ (tổng lượng phù sa chỉ đạt 9.106 tấn, độ đục bình quân 10 - 30g/m³), sự xâm thực của dòng chảy các sông đổ vào Đồng Nai yếu nên lượng phù sa lắng đọng hạn chế.

Độ ẩm tương đối trong không khí trung bình năm từ khoảng 80 - 82% và biến đổi theo mùa, độ ẩm trung bình mùa khô thấp hơn mùa mưa từ 10 - 12%. Hướng gió chủ yếu là hướng Nam - Tây Nam, với tốc độ gió trung bình từ 1,3 - 2,8 m/s.

Nhìn chung, khí hậu của huyện Vĩnh Cửu thích hợp với các hình thức canh tác nông nghiệp trồng lúa nước, hoa màu, cây lưu niên và hoạt động thương mại - dịch vụ.

CHƯƠNG HAI

HUYỆN VĨNH CỬU

QUA CÁC THỜI KỲ LỊCH SỬ

1. Thời kỳ trước Công nguyên

Theo các công trình nghiên cứu khảo cổ học, vùng đất Vĩnh Cửu đã từng in dấu những bước chân đầu tiên của người nguyên thủy trong tiến trình khai thác, chiếm cư, lập làng, hình thành nên những công xưởng thủ công chuyên sản xuất, chế tác công cụ lao động, trang sức chuyên biệt có quy mô tương đối lớn như di tích Suối Linh, Đồi Phòng Không... dọc theo vùng đất phù sa ven hạ lưu sông Đồng Nai và sông Bé. Di tích Suối Linh cùng với di tích Cầu Sắt (Xuân Lộc) được xem là 2 di tích tiêu biểu cho giai đoạn mở cửa truyền thống văn hóa - kỹ thuật chế tạo đá - gồm Đồng Nai được đoán định niên đại thuộc thiên niên kỷ III - II trước Công nguyên.

Ngoài những di tích tiêu biểu, trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu còn phát hiện một số di tích nằm trên địa hình sườn gò liên kết giữa đất đỏ basalte và phù sa cổ ven 2 bờ sông Bé - sông Đồng Nai và các chi lưu hình thành truyền thống cư trú theo tuyến sông - suối rất thuận lợi cho việc định cư dài ngày của người xưa. Từ những phát hiện khảo cổ học cho thấy người cổ ở Vĩnh Cửu nói riêng, Đồng Nai nói chung đã bắt đầu trồng lúa ngay từ thời cư ngụ ở Suối Linh từ hơn

4000 năm trước. Những hạt lúa còn nguyên vỏ hay vỏ trấu còn quan sát được trong xương gôm đã chứng minh cuộc sống kinh tế của người cổ. Bên cạnh đó là sưu tập những công cụ đá gồm những loại hình nông cụ cơ bản quan trọng trong quá trình sản xuất từ việc chặt cây phát rẫy (công cụ rìu, cuốc...) đến gặt hái thu hoạch (dao hái) đến xử lý hạt bằng cách tuốt hay nghiền hạt (chày và bàn nghiền)... Ngoài nông nghiệp, các ngành nghề thủ công cũng phát triển không kém, có thể phân được nhiều nghề như nghề chế tác công cụ đá, nghề gôm, nghề mộc, chế tác trang sức.v.v...

Về cơ bản, các di tích ở Vĩnh Cửu cũng mang những nét đặc trưng chung của văn hóa Đồng Nai. Nhờ những kinh nghiệm sống hòa nhập, giao lưu, tiếp thu và không ngừng sáng tạo cộng với những thay đổi của thiên nhiên, lớp cư dân Vĩnh Cửu xưa góp phần xây đắp một xã hội Đồng Nai phát triển.

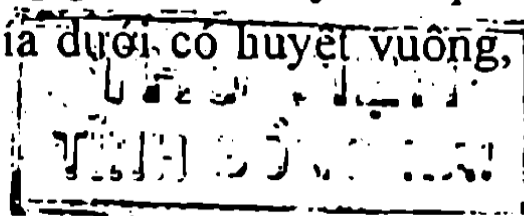
2. Thời kỳ từ đầu Công nguyên đến thời nhà Nguyễn

Từ đầu Công nguyên đến thế kỷ VI, vùng đất Đồng Nai nói riêng Nam bộ nói chung nằm trong vòng ảnh hưởng của vương quốc Phù Nam. Sau khi Phù Nam bị tiêu diệt, từ thế kỷ VII trở đi vùng đất này lại phụ thuộc vào vương quốc Chân Lạp và là một phần đất nằm trong sự tranh chấp giữa Thủy Chân Lạp và Lục Chân Lạp. Kế đó Đồng Nai lại là vùng đất tranh chấp giữa Chămpa và Chân Lạp, Java và Chân Lạp, cũng là vùng đất chịu những cuộc tấn công của Java vào Giao Châu và Chămpa vào các thế kỷ VIII và IX.

Với bối cảnh lịch sử nêu trên, trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu các nhà khảo cổ đã phát hiện nhiều phế tích kiến trúc, di tích cư trú có niên đại thuộc vào các giai đoạn lịch sử này như di tích Cây Gáo I và Cây Gáo II có niên đại từ thế kỷ thứ III sau Công nguyên với kiểu kiến trúc được xây dựng theo bình đồ hình chữ nhật trên nền đất tự nhiên, không có kết cấu móng vững chắc chỉ có tường bao xung quanh, phía trước có bậc tam cấp, kết cấu kết hợp giữa vật liệu nhẹ là gỗ và vật liệu nặng là gạch. Kiến trúc này được xác định là một trong các kiến trúc có niên đại sớm nhất thuộc văn hóa Óc Eo tại Đồng Nai, chúng xây dựng theo mẫu thức đền đài của đạo Hindouism và đã được bản địa hóa để thích nghi với môi trường tự nhiên trên vùng đất Vĩnh Cửu xưa.

Đến thế kỷ VII - VIII sau Công nguyên, vương quốc Chân Lạp thôn tính Phù Nam, cũng trong thời kỳ này biển tiến theo chu kỳ Holocene IV, vùng đồng bằng Nam bộ ngập trong nước. Cư dân cổ Óc Eo chuyển dần lên các giong đất cao ven sông, suối.

Trên vùng đất Vĩnh Cửu loại hình di tích thuộc thời kỳ này gồm Đồng Bơ, Bàu Sen, Miếu Con Chồn chủ yếu thuộc loại hình di tích kiến trúc. Kiến trúc của các di tích Đồng Bơ, Bàu Sen, Miếu Con Chồn có kết cấu dùng các vật liệu nặng như gạch, đá, cát ít sử dụng vật liệu nhẹ như giai đoạn trước. Các kiến trúc này được xây dựng theo bình đồ hình vuông, có tường gạch khá dày bao quanh, khoảng giữa nền kiến trúc ở phía dưới có huyệt vuông, lòng huyệt khá



sâu được lấp và nện chặt bằng gạch, đá, cát, đất sét dẻo, đáy huyết thường chôn một bộ phận cơ thể của tượng thần, các vật thiêng bằng vàng hoặc linh vật thờ... Những kiến trúc này “... thường thường là những kiến trúc gạch đá hỗn hợp, đơn lẻ, bình đồ có dạng vuông, mang những đặc điểm của loại kiến trúc thuộc thời kỳ sớm ở phía nam Đông Dương, cũng gọi là kiến trúc Phù Nam”¹.

Những cổ vật đã thu thập được trong các đợt khai quật khảo cổ học, các di tích thuộc thời kỳ này hoặc do địa phương phát hiện đều có những đặc trưng tương ứng với những đặc điểm, phong cách nghệ thuật của giai đoạn lịch sử nêu trên như: Tượng thần Visnu ở Bình Hòa, cánh tay tượng Visnu ở Đồng Bơ có niên đại thuộc thế kỷ VII - VIII sau Công nguyên. Trong tác phẩm *Biên Hòa sử lược toàn biên* (tập 1) của tác giả Lương Văn Lựu có đề cập tại chùa Hội Phước-Tân Triều (nay thuộc ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình) thờ tượng Ganesa bằng đá, cao 0m60, mình người, đầu voi, vòi quấn tròn sau lưng, tìm được dưới giếng sâu. Nhà nghiên cứu Khảo cổ học người Pháp H. Parmentier cũng đã từng đề cập đến pho tượng này vào khoảng năm 1909 trong địa phận làng Tân Triều Đông, tổng Phước Vĩnh Thượng, trong chùa Hội Phước có thờ pho tượng thần Ganesa bằng đá, tượng được sơn son đỏ. Pho tượng này được xác định thuộc nghệ thuật Chămpa song cũng có ý kiến cho rằng tượng thuộc nghệ thuật Khmer nguyên thủy (*Văn hóa khảo cổ học ở*

1 Võ Sĩ Khải, *Đất Gia Định 10 thế kỷ đầu Công nguyên, Địa chí Thành phố Hồ Chí Minh* tập 1, NXB Thành phố Hồ Chí Minh 1998, trang 182.

Đồng Nai 10 thế kỷ đầu Công nguyên, tr.15). Tiếc rằng pho tượng này hiện nay đã bị thất lạc.

Từ những phát hiện khảo cổ học và những kết quả nghiên cứu của các nhà nhân chủng học và ngôn ngữ học đã góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề lịch sử của nhiều thế kỷ trước. Vùng đất huyện Vĩnh Cửu nói riêng và Đồng Nai nói chung đã từng là địa bàn sinh sống và giao lưu của những dân tộc nói các thứ tiếng thuộc hai ngữ hệ lớn Nam Á và Nam Đảo, không có chữ viết. Các dân tộc này đã tiếp xúc với người Ấn Độ và mang những yếu tố văn hóa Ấn Độ phổ biến ở vùng ven sông Đồng Nai. Quan những phế tích kiến trúc và hiện vật thờ (tượng thờ) được phát hiện cho thấy vùng đất Đồng Nai trong thời kỳ này theo Ấn Độ giáo thờ thần Siva, Visnu, Ganesa, linh vật thờ như Yoni, Linga... Khi Ấn Độ giáo suy tàn, họ trở về với tín ngưỡng truyền thống - thờ đa thần, các phế tích kiến trúc đền đài Hindouism không còn được tôn sùng như trước nên họ xem là khu vực thần linh, gắn liền với những truyền thuyết, chuyện cổ tích mang tính huyền bí.

Kết quả những khảo sát và khai quật khảo cổ học là những bằng chứng sinh động cho thấy thủ công nghiệp của cư dân vùng đất Vĩnh Cửu nói riêng Đồng Nai nói chung đã phát triển đến trình độ cao. Có thể phân loại được nhiều ngành nghề: nghề đá, nghề tạc tượng, nghề làm gạch và vật liệu trang trí bằng đất nung (ngói), nghề xây dựng, nghề đóng thuyền, nghề gốm, nghề luyện kim... Đời sống kinh tế trong thời kỳ này chủ yếu là nông nghiệp ruộng rẫy. Thương

nghiệp cũng phát triển bằng đường hàng hải trên tuyến sông Đồng Nai- cảng Cần Giờ với các vùng phụ cận. Sản phẩm trao đổi chủ yếu là tài nguyên rừng như gỗ, ngà voi, mật, sáp ong... để đổi lấy những sản phẩm mà trong vùng không sản xuất được như vàng, thủy tinh, mã não...

Từ thế kỷ IX - XV tại vùng đất Đồng Nai, ảnh hưởng của văn hóa Chân Lạp có sự mờ nhạt do sự tập trung cùng cố trung tâm chính trị của vương triều Angkor tại Tonle Sap. Tiếp sau đó là thời kỳ binh biến giữa Chân Lạp và Chămpa và ảnh hưởng các đợt tấn công của đế quốc Nguyên Mông vào các nước Đông Nam Á vào thế kỷ XIII phần nào là những nguyên nhân đưa đến quá trình hoang hóa của vùng đất Đồng Nai. Các cộng đồng dân tộc bản địa sinh sống trên đồng bằng châu thổ từ nhiều thế kỷ đã từ từ rút về sống cố thủ ở miền cao trong điều kiện hoang sơ mà Châu Đạt Quan đã mô tả trong *Chân Lạp phong thổ ký*: “Đoạn từ Chân - Bồ theo hướng Khôn - Thân (Tây - Nam - 1/6 Nam), chúng tôi đi ngang qua biển Côn - Lôn và vào cửa sông. Sông này có hàng chục ngả, nhưng ta chỉ có thể vào được cửa thứ tư, các ngả khác có nhiều bãi cát thuyền lớn không đi được. Nhìn lên bờ chúng tôi thấy toàn là cây mây cao vút, cỏ thụ, cát vàng, lau sậy trắng, thoáng qua không dễ gì biết được lối vào, thế nên các thủy thủ cho rằng rất khó mà tìm đúng cửa sông”.

Có thể nói “*Vùng đất Đồng Nai từ thế kỷ I đến thế kỷ XV sau Công nguyên là điểm hội tụ, giao lưu của các cộng*

đồng cư dân. Với điều kiện lịch sử cụ thể của một giai đoạn phát triển có nhiều biến thiên của xã hội, đất Đồng Nai trở thành một vùng đất mở thu hút cư dân Việt đến khai phá, mở ra một thời kỳ phát triển mới”¹.

*** Từ thế kỷ XV đến thời nhà Nguyễn:**

Đến thế kỷ XV, vùng đất miền Đông Nam bộ nói chung, Đồng Nai nói riêng vẫn còn là một vùng đất hoang dã, chưa được khai phá. Theo một số tư liệu còn để lại, vùng đất này chủ yếu là dân tộc S'tiêng, Mạ, Chơro, K'ho sinh sống, trong đó đông nhất là dân tộc S'tiêng và Mạ. Đây là những dân tộc sinh sống từ rất lâu đời trên địa bàn này ngay trước khi Phù Nam lập quốc.

Cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII vùng đất Đồng Nai trở nên sôi động hơn. Nhiều lớp lưu dân từ miền ngoài vào đã không ngừng đến đây sinh cơ, lập nghiệp. Từ năm 1623, chúa Nguyễn Phúc Nguyên, người đã gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp để thắt chặt tình thân thiện, vua Chân Lạp đã cho phép cư dân vùng Thuận Quảng tiếp tục vào đây lập nghiệp. Đến nửa sau thế kỷ XVII, số di dân người Việt đến vùng này khá đông, từ Mô Xoài - địa bàn đứng chân đầu tiên, di dân người Việt theo sông Đồng Nai tiến dần vào các vùng Bàn Lân, Bến Gỗ, Bến Cá, An Hòa, Long Thành, Cù Lao Phố, Cù Lao Rùa, Cù Lao Tân Chánh, Cù Lao Tân Triều...

1 Địa chí Đồng Nai, tập 3, NXB Đồng Nai 2001, trang 97

Đến năm 1698, số dân toàn khu vực đã lên đến 40 vạn hộ, đất đai khai phá đã rộng đến nghìn dặm. Chúa Nguyễn Phúc Chu sai chương cơ Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý đất phương Nam thiết lập nền hành chính để dân chúng được an cư lạc nghiệp. Ông lấy đất Đồng Nai lập ra phủ Gia Định, lấy đất Đông Phố lập ra huyện Phước Long, đất Sài Côn lập ra huyện Tân Bình.

Năm 1808, nhà Nguyễn đổi tên đất Nam bộ là Gia Định thành, các dinh đổi ra trấn thuộc thành Gia Định. Dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa. Huyện Phước Long thăng thành phủ Phước Long, bốn tổng của huyện nâng thành bốn huyện gồm Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An. Địa bàn huyện Vĩnh Cửu ngày nay thuộc Phước Chánh xưa kia.

Theo sách *Gia Định thành thông chí* đã giới thiệu về huyện Phước Chánh như sau: “Phía đông giáp bến đò Thị Nghĩ, chợ thôn Bình Dương tổng Long Vĩnh huyện Long Thành đến sát núi rừng; phía tây giáp man sách đầu nguồn, phía nam giáp huyện Bình An từ núi Chiêu Thái (Châu Thới) liền đến xứ Ba Đốc sông Thị Kiên; phía bắc giáp man sách rừng lớn”¹.

Trong sách *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5 tỉnh Biên Hòa mô tả về huyện Phước Chánh như sau: “Đông tây cách nhau 35 dặm, nam bắc cách nhau 29 dặm, phía đông đến địa giới huyện Phước Bình 25 dặm, phía tây đến địa giới

1 *Địa chí Đồng Nai*, tập 2, NXB Đồng Nai 2001, trang 239.

huyện Bình An 8 dặm, phía nam đến giới huyện Nghĩa An 22 dặm, phía bắc đến địa giới huyện Phước Bình 7 dặm. Nguyên là tổng Tân Chính, năm Gia Long thứ 7 (1808) đặt hai tổng Phước Vinh và Chánh Mỹ, do đó gọi tên là huyện Phước Chính; năm Minh Mạng thứ 2 (1821) chia 2 tổng làm 6 tổng; năm thứ 19 (1837), trích lấy 1 tổng cho lệ vào huyện Phước Bình. Nay lãnh 5 tổng, 89 xã thôn, phường và 2 bang người Thanh”¹.

Huyện Phước Chánh gồm 2 tổng Phước Vinh và Chánh Mỹ với 85 thôn. Trong đó địa bàn huyện Vĩnh Cửu hiện nay nằm trọn trong Tổng Phước Vinh gồm 46 thôn: Bình Đa, Tân Mai, Phước Thạnh, Miếu phụ Hội đồng, Bình Thành, Bình An, Tam Nhơn, Tân Tục, Phước Lư, Tân Lại, Bình An Tây, Tân Phong, Bình Trú, Tân Lân, Bạch Khôi, Bình Điện, Bình Thới, Bình Hậu, Tân Triều Đông, Bình Lục, Bình Thanh, Long Chánh, Tân Huệ Đông, Tân Quan Đông, Tân Định, Bình Thạnh, Tân Thạch, Bình Thuận, Bình Thảo, Tân Triều Tây, Long Phú, Bình Định, Tân Lộc Tây, Tân Huệ Tây, Tân Quan Trung, Vĩnh An, Bình Sơn, Tân Thạch Đông, Bình Ý, Tân Xuân, Tân Thành, Xuân Hòa, Bình Lợi, Phú An, Tân Quan Chánh, An Lâm.

Sau khi vua Gia Long mất, vua Minh Mạng nối ngôi vẫn tiếp tục công cuộc cải cách hành chính. Năm 1832 vua cho đổi tên gọi trấn thành tỉnh, trấn Biên Hòa đổi thành tỉnh Biên Hòa gồm 1 phủ Phước Long, 4 huyện. Huyện Phước

1 *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5, NXB Thuận Hóa 2006, trang 42.

Chánh lúc này chia thành 6 tổng: Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung, Phước Vinh Hạ. Địa bàn huyện Vĩnh Cửu lúc này thuộc các tổng Phước Vinh Thượng, Phước Vinh Trung và Phước Vinh Hạ gồm 56 xã, thôn, phường.

Từ những cứ liệu trên cho thấy đơn vị hành chính cấp cơ sở trên vùng đất Vĩnh Cửu chủ yếu là thôn, cấp cao hơn là tổng, kế tiếp là huyện, phủ, tỉnh. Trong đó, các quan chức đứng đầu tỉnh được gọi là Tuần phủ chuyên trông coi về chính trị, giáo dục và thuần phong mỹ tục; Bố chánh sứ chuyên về việc thu thuế, sổ đinh, sổ điền, tuyển lính và truyền đạt những chiếu chỉ của triều đình xuống cơ sở; Án sát sứ chuyên về hình luật và các trạm dịch bưu chính; Lãnh binh chuyên về an ninh quốc phòng. Đứng đầu đơn vị hành chính cấp cơ sở là Lý trưởng và Phó lý, ngoài ra còn có sự điều khiển của Hội đồng Kỳ Mục gồm Hương chức (Hương dịch) lớn nhỏ chuyên trách nhiều lĩnh vực khác nhau, cùng nhau xây dựng làng xã, thôn ấp vững mạnh.

Tại Vĩnh Cửu hiện nay vẫn còn lưu giữ khá nhiều dấu ấn của thời kỳ lưu dân Việt vào đây khai hoang lập ấp. Tại nhà ông Lê Văn Dẽ (hay còn gọi là Út Phương) ấp Vĩnh Hiệp còn lưu giữ 2 đồng tiền bằng đồng thau khá lớn, đường kính 12,5-12,7 cm, dày 0,4-0,5 cm, có lỗ vuông. Một đồng có đúc 4 chữ nổi “*Gia Long thông bảo*” ở một mặt, mặt bên kia là hình rồng đúc nổi. Đồng thứ hai cũng đúc 4 chữ nổi “*Minh Mạng thông bảo*” ở một mặt, mặt bên kia là toàn

cảnh Ngọ môn, bên dưới có chữ “*Đại Nam quốc môn bảo*”. Đồng tiền Minh Mạng nhỏ hơn đồng tiền của Gia Long một chút. Theo lời truyền khẩu của nhân dân trong làng, trước đây khi Nguyễn Ánh chạy nạn trốn tránh sự truy lùng của quân Tây Sơn đã chạy về vùng đất Tân Triều và ở tại Miếu Ngói (tức đình Cẩm Vinh hiện nay). Sau khi lên ngôi vua, Gia Long cho đúc những đồng tiền này thưởng cho những người có công giúp ông trong những khi nguy khốn. Ông cố của ông ngoại ông Dế đã từng tham gia những hoạt động của Nguyễn Ánh ở Tân Triều nên mới được thưởng 2 đồng tiền này.

Tại Tân Triều, trước khi nhà Nguyễn thành lập, người Công giáo đã quy tụ về đây rất đông, họ đã thành lập một họ đạo vững chắc. Tân Triều lúc này đóng vai trò là trung tâm thuận tiện cho các giáo dân từ các nơi như Cù Lao Phố, Bến Gỗ đến lãnh nhận các bí tích. Tuy nhiên, từ khi lên ngôi năm 1802, Nguyễn Ánh và các vua nhà Nguyễn thi hành các chính sách chuyên chế nhằm củng cố quyền lợi dòng họ và giai cấp địa chủ phong kiến. Chính sách đối ngoại bế quan tỏa cảng đã hoàn toàn tự hãm mình vào thế cô lập. Chính sách cấm đạo Công giáo bằng cách đàn áp, thiếu biện pháp thuyết phục lôi cuốn giáo dân đứng về phía dân tộc đã tạo duyên cớ cho Pháp thực hiện ý đồ đánh chiếm Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong các ngôi đình, chùa cổ trên địa bàn các xã Tân Bình, Bình Lợi, Bình Hòa, Thanh Phú... vẫn còn lưu giữ bài vị viết bằng chữ Hán của những người quá cố,

trong bài vị còn ghi lại công đức của những người này đã hiến đất, góp gạo hoặc tiền bạc để xây dựng, tu sửa đình, chùa những năm đầu thế kỷ XX. Những dấu ấn lịch sử này đã minh chứng cho giai đoạn đầu của thời kỳ dựng làng lập ấp trên vùng đất Vĩnh Cửu.

2. Thời kỳ 1862 - 1945

Sau khi đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, vì còn phải lo chinh phạt nên thực dân Pháp vẫn giữ nguyên các đơn vị hành chính cũ của nhà Nguyễn ở 3 tỉnh này.

Theo sách *Biên Hòa sử lược*, tập 1 thì tỉnh Biên Hòa năm 1878 có 17 tổng, 158 làng, trong đó huyện Phước Chánh, phủ Phước Long có trung tâm huyện lỵ ở Bến Cá (Tân Triều), với 6 tổng gần 100 làng xã gồm: Tổng Phước Vinh Thượng có 9 làng xã; tổng Phước Vinh Trung có 8 làng xã; tổng Phước Vinh Hạ có 12 làng xã; tổng Chánh Mỹ Thượng có 8 làng xã; tổng Chánh Mỹ Trung có 19 làng xã và tổng Chánh Mỹ Hạ có 15 làng xã. Địa giới huyện Vĩnh Cửu ngày nay hầu hết nằm trong 2 tổng Phước Vinh Trung gồm Bình Thạch, Bình Ý, Bửu Long, Tân Phong, Tân Triều Đông, Tân Triều Tây, Thạnh Phước, Thới Sơn; tổng Phước Vinh Hạ gồm các làng: Bình Lợi, Bình Ninh, Bình Phú, Bình Thạnh, Bình Thảo, Đại An, Long Lộc, Tân Định, Tân Hiền, Tân Phú, Xuân Hòa và Thiện Quan.

Năm 1883 Pháp chiếm toàn bộ Việt Nam, triều đình Huế hoàn toàn đầu hàng giặc. Pháp chia tỉnh Biên Hòa thành 6 địa hạt: Biên Hòa, Bà Rịa, Long Thành, Thủ Đức, Bình

An và Bảo Chánh. Vào thời kỳ này, tổng Phước Vĩnh đổi tên thành Phước Vĩnh có nghĩa là *gặp may mắn mãi mãi*. Từ năm 1881 đến 1897, địa giới hành chính của các làng trong huyện Phước Chánh hầu như không thay đổi¹. Năm 1901-1924, tỉnh Biên Hòa có 17 tổng, 151 làng xã. Số làng trong 2 tổng Phước Vĩnh Trung và Phước Vĩnh Hạ có sự biến đổi. Tổng Phước Vĩnh Trung còn lại 8 làng do làng Bình Điện và Bạch Khôi nhập thành làng Bửu Long; Bình Thái và Bình Sơn nhập thành Thới Sơn; Bình Mỹ, Bình Hậu, Hàm Hòa và Tân Thạnh Đông nhập lại thành Bình Phước. Tổng Phước Vĩnh Hạ còn 12 làng do làng Bình An Chính và Trị An nhập lại thành Đại An; Đa Lộc và Long Chánh nhập lại thành Long Lộc; Bình Lục và Bình Phú nhập lại thành Bình Phú; Xuân Hòa, Tân Huệ Đông và Tân Khai nhập thành Xuân Lộc.

Năm 1939, tỉnh Biên Hòa có 5 quận, 16 tổng, 119 xã. Hai tổng Phước Vĩnh Trung và Phước Vĩnh Hạ lúc này thuộc quận Công Thanh, số làng trong 2 tổng cũng có sự thay đổi về địa giới. Tổng Phước Vĩnh Trung lúc này chỉ còn lại 5 làng do Tân Triều Đông và Tân Triều Tây nhập lại thành Tân Triều, Thới Sơn và Bình Sơn nhập lại thành Bình Thạnh. Tổng Phước Vĩnh Hạ còn lại 8 làng xã do Đại An, Tân Hiền và Long Lộc nhập lại thành Đại An; Bình Thạnh và Bình Phú nhập lại thành Bình Thạnh; Thiên Quan, Xuân Lộc, Tân Hòa nhập lại thành Thiện Tân.

1 *Địa chí Đồng Nai*, tập 1, NXB Đồng Nai 2001, trang 263-269.

Kể từ khi đặt chân xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp luôn vấp phải sự kháng cự mãnh liệt của nhân dân ta. Nghĩa quân do các sĩ phu yêu nước lãnh đạo nổi lên tấn công mạnh vào các đồn lũy, tàu bè, các toán tuần tiễu của Pháp. Các tổ chức yêu nước nằm trong hình thái hội kín phát triển phổ biến ở Nam bộ những năm đầu thế kỷ XX. Tại Biên Hòa, một nhóm người yêu nước đã thành lập ra trại Lâm Trung, căn cứ đóng tại Gò Mọi, xã Thiện Tân, huyện Phước Chánh. Trại do các nhân vật yêu nước, tinh thông võ nghệ khởi xướng tổ chức tập luyện võ nghệ. Trại viên được trang bị vũ khí thô sơ như gậy, dao, gươm và một ít súng điều thương. Nghĩa quân tham gia trại rất đông phần lớn là thanh niên các tổng Phước Vĩnh Trung, Phước Vĩnh Hạ, Chánh Mỹ Trung... Năm 1916, Trại đã nổi dậy tấn công các nhà hội Tân Trạch, Tân Khánh, Tân Lương... làm hương chức hội tề các làng bỏ chạy tán loạn và phá khám lớn Biên Hòa. Sau cuộc nổi dậy, Trại Lâm Trung bị thực dân Pháp đàn áp và tan rã.

Tại tổng Phước Vĩnh Trung trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, trước sự phát triển của các phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân, tại làng Bình Phước - Tân Triều đã hình thành lên chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều vào tháng 2/1935, đây là chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập tại tỉnh Biên Hòa. Chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt lớn lao, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng, là tổ chức nòng cốt lãnh đạo phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở Biên Hòa và là nòng cốt xây dựng tỉnh ủy Biên Hòa lâm thời năm 1937.

Khí thế đấu tranh ngày càng sôi nổi, hàng loạt chi bộ ra đời như Chi bộ Bình Phước, Bình Ý, Tân Triều... Các chi bộ đã lãnh đạo và vận động nhân dân tham gia nhiều hoạt động chính trị ở Biên Hòa, Sài Gòn. Các phong trào đấu tranh nổ ra mạnh mẽ đã biểu dương sức mạnh của nhân dân đòi thực dân Pháp thực thi các quyền tự do dân chủ. Cách mạng tháng Tám thành công tại Biên Hòa không đồ máu là thành quả đấu tranh kiên cường, anh dũng của nhân dân trong tỉnh nói chung và nhân dân các xã Bình Phước, Bình Ý, Tân Triều... nói riêng đã đóng góp một phần không nhỏ cho cách mạng Việt Nam.

3. Thời kỳ 1945 - 1954

Sau Cách mạng tháng Tám, thực dân Pháp liên tục gây hấn và khiêu khích tại các tỉnh Nam bộ. Đêm ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam một lần nữa. Trong 9 năm này, địa giới hành chính của các huyện hầu như không thay đổi.

Về phía chính quyền cách mạng, năm 1948 Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ quyết định chia quận Châu Thành thành 2 đơn vị là thị xã Biên Hòa gồm xã Bình Trước với 5 khu, 8 ấp và huyện Vĩnh Cửu gồm các xã còn lại của huyện Châu Thành là Bình Hòa, Bình Ý, Tân Phong, Lợi Hòa, Bình Long, Hiệp Hòa, Tam Hiệp, Bửu Hòa, Tân Vạn, Hóa An, Tân Hạnh, Bình Trị, Đại An, Tân Định, Bửu Long, Tân Thành, Bình Thạnh, Tân Triều, Thiện Tân, Bình Phước, Tân Hiệp. Trong đó các xã Bình Ý, Bình Phước, Tân

Triều, Bình Lợi... được giặc Pháp coi là “vùng Việt Minh”, và là cơ sở cách mạng và hậu phương vững chắc. Sở dĩ huyện có tên là Vĩnh Cửu vì Ủy ban Kháng chiến đã lấy tên thôn Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp là nơi có nhiều thành tích kháng chiến đặt tên cho huyện mới này.

4. Thời kỳ 1954 - 1975

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, đất nước ta tạm thời chia thành hai miền lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời: miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, miền Nam tạm thời đặt dưới quyền quản lý của đối phương và sau hai năm sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhưng đế quốc Mỹ lại âm mưu thôn tính Đông Dương, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và là căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á. Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm về Việt Nam và thiết lập bộ máy thống trị từ trung ương đến địa phương.

**** Về phía chính quyền Sài Gòn***

Từ cuối năm 1956, chính quyền Sài Gòn chia nhỏ các tỉnh miền Nam để phục vụ cho ý đồ chiến lược quân sự. Tỉnh Biên Hòa chia thành 2 tỉnh mới: Biên Hòa và Long Khánh. Cấp tổng duy trì một số năm rồi bỏ, các quận cũng chia nhỏ. Tỉnh Biên Hòa thành lập theo Nghị định 140-BNV/HC/ND ngày 3-5-1957 gồm 4 quận: Châu Thành, Long Thành, Tân Uyên và Dĩ An với 11 tổng: Phước Vĩnh Thượng, Phước Vĩnh Trung, Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, Long Vĩnh Thượng, Long Vĩnh Hạ, Thành Tuy

Thượng, Thành Tuy Hạ, An Thủy và An Phước Hạ. Địa giới hành chính của huyện Vĩnh Cửu lúc bấy giờ thuộc về quận Châu Thành gồm tổng Phước Vĩnh Trung gồm các xã Tân Phong, Bửu Long, Bình Ý, Bình Hòa, Tân Triều; và quận Tân Uyên gồm tổng An Phước Hạ với các xã Bình Phước, Bình Long, Lợi Hòa, Tân Phú, Bình Thạnh, Thiện Tân, Tân Định, Đại An và Trị An.

Nhận biết Vĩnh Cửu là điểm nóng của Việt cộng nên chính quyền Ngô Đình Diệm ra sức khủng bố bắt giết nhiều người dân vô tội, chúng thi hành luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam. Năm 1960, phong trào Đồng Khởi nổ ra ở Bến Tre, Tây Ninh đã tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng tại Biên Hòa đặc biệt tại ba khu vực Tân Triều, Bình Phước, Bình Ý đẩy mạnh diệt ác phá kềm giành quyền chủ động trong mọi tình huống.

Ngày 22/3/1963, Tổng thống chính phủ Việt Nam Cộng hòa ra Nghị định số 858/NV về việc thành lập quận mới là quận Công Thanh gồm 12 xã và quận lỵ đặt tại xã Bình Thạnh. Quận Công Thanh được tách từ một phần của quận Châu Thành và một phần của quận Tân Uyên và giữ ổn định cho đến năm 1975 gồm các xã Bình Ý, Bình Hòa, Tân Triều, Bình Phước, Bình Long, Lợi Hòa, Tân Phú, Bình Thạnh, Thiện Tân, Tân Định, Đại An, Trị An, Thái Hưng.

Trong *Địa phương chí tỉnh Biên Hòa năm 1971* do chính quyền Sài Gòn biên soạn cho thấy, tính đến năm 1971 tỉnh Biên Hòa có 6 quận, 65 xã và 196 ấp. Trong đó quận Công

Thanh có 13 xã, 23 ấp gồm: xã Thái Hưng, Bình Thạnh, Tân Phú, Bình Long, Bình Phước, Bình Ý, Đại An, Tân Định, Thiện Tân, Lợi Hòa, Bình Hòa, Tân Triều và Trị An.

**** Về phía chính quyền cách mạng***

Từ năm 1954 đến năm 1975, theo yêu cầu của chiến trường nên địa bàn tỉnh Đồng Nai lúc bấy giờ liên tục thay đổi. Từ năm 1954 đến tháng 4/1955, vẫn là tỉnh Thủ Biên như cuối thời kỳ chống Pháp. Tháng 5/1955, tỉnh Thủ Biên tách thành 2 tỉnh là tỉnh Biên Hòa và tỉnh Thủ Dầu Một như trước đây. Từ tháng 9/1960 đến tháng 7/1961, tỉnh Thủ Biên tách thành ba tỉnh: Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Phước Thành. Tỉnh Phước Thành gồm 3 quận: Hiếu Liêm, Tân Uyên và Phú Giáo. Địa bàn huyện Vĩnh Cửu lúc này thuộc quận Hiếu Liêm gồm các xã Chánh Hưng, Thái Hưng, Đại An, Trị An; và quận Tân Uyên gồm các xã: Bình Phước, Bình Long, Bình Thạnh, Lợi Hòa, Tân Định, Tân Phú, Thiện Tân, Tân Hòa, Tân Tịch, Thường Lang, Tân Hiệp, Tân Hòa Khánh.

Tháng 1/1965, tỉnh Biên Hòa tách thành hai đơn vị: U.1 gồm thị xã Biên Hòa và Biên Hòa nông thôn gồm các huyện Long Thành, Nhơn Trạch, Vĩnh Cửu, khu vực Trảng Bom. Từ năm 1967 đến năm 1971, U.1 nhận thêm hai huyện Vĩnh Cửu, Trảng Bom, phân khu Bà Rịa - Long Khánh, phân khu 4. Tháng 5/1972, U.1 nhập với 5 phân khu thành phân khu Thủ Biên, hai huyện Trảng Bom và Vĩnh Cửu nhập lại thành huyện Vĩnh Cửu. Từ năm 1972 đến tháng 10/1975 lập lại các tỉnh Biên Hòa và tỉnh Bà Rịa - Long Khánh.

Ngày 30/4/1975. miền Nam hoàn toàn giải phóng. Nhân dân Vĩnh Cửu cùng cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập, thống nhất và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

5. Thời kỳ 1975 đến nay

Những ngày đầu giải phóng, Đồng Nai được chia tạm thời thành các tỉnh Biên Hòa, Tân Phú và Bà Rịa - Long Khánh. Mỗi tỉnh đều do Ủy ban quân quản các cấp quản lý, sau đó các Ủy ban nhân dân cách mạng thay thế.

Ngày 20/9/1975, Trung ương Cục ra quyết định số 16/QĐ.75 giải thể các khu, sáp nhập các tỉnh Biên Hòa, Tân Phú và Bà Rịa - Long Khánh thành tỉnh Đồng Nai gồm thành phố Biên Hòa, thị xã Vũng Tàu, huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Tân Phú, Long Thành, Châu Thành, Long Đất, Xuyên Mộc, Duyên Hải.

Ngày 23/12/1985, thành lập thị xã Vĩnh An theo quyết định số 284/HĐBT gồm huyện Vĩnh Cửu và các lâm trường Hiếu Liêm, Mã Đà gồm 13 xã, thị trấn: xã Trị An, Thiện Tân, Bình Hòa, Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước, Tân Định, Bình Long, Lợi Hòa, Bình Thạnh, Tân Phú, Cây Gáo, Đại An.

Ngày 29/8/1994, thành lập lại huyện Vĩnh Cửu từ thị xã Vĩnh An theo Nghị định 109/CP gồm 2 phường: Cây Gáo và Trị An, 8 xã: Vĩnh Tân, Tân Bình (gộp 3 xã Bình Ý, Tân Triều, Bình Phước năm 1987); Thạnh Phú (gộp 2 xã Bình Thạnh và Tân Phú năm 1987); Bình Hòa, Bình Lợi (gộp 2 xã Bình Long và Lợi Hòa năm 1987); Tân An (gộp 2 xã Tân

Định và Đại An năm 1987); Thiện Tân; Phú Lý (trước thuộc huyện Tân Phú) và 1 thị trấn là Vĩnh An.

Năm 1995 đến nay, tổng diện tích tự nhiên của huyện Vĩnh Cửu là 1.091,99 km², địa giới hành chính gồm 1 thị trấn là Vĩnh An và 11 xã gồm Vĩnh Tân, Tân Bình, Thanh Phú, Bình Hòa, Bình Lợi, Tân An, Trị An, Thiện Tân, Phú Lý, Mã Đà, Hiếu Liêm.

Ngay sau ngày 30/4/1975, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Đảng bộ, nhân dân huyện Vĩnh Cửu bắt tay vào công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh và bắt đầu xây dựng lại quê hương, đất nước. Đầu năm 1976 các ban ngành, đoàn thể các xã được thành lập với nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân chống mọi luận điệu xuyên tạc của kẻ thù, vận động nhân dân tham gia các phong trào lao động sản xuất, văn hóa mới nhằm ổn định và nâng cao sản xuất.

Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986 đánh dấu bước ngoặt lịch sử quan trọng của đất nước, đây là thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước nhằm phát triển đất nước. Tại Đại hội Đảng bộ lần VI (nhiệm kỳ 2005-2010), huyện Vĩnh Cửu tiếp tục xác định cơ cấu kinh tế vẫn là nông nghiệp và dịch vụ trong đó ưu tiên phát triển công nghiệp sạch, công nghiệp chế biến. Huyện đã huy động nhiều nguồn lực để phát triển kinh tế, văn hóa xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng cả nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng huyện Vĩnh Cửu ngày càng giàu mạnh.

+ Về kinh tế: Sản xuất nông nghiệp ở các xã trong huyện chủ yếu là các loại cây chủ lực như lúa, mía, bưởi, bắp và một số loại cây ăn trái, hoa màu khác. Huyện cũng khuyến khích nhân dân các xã luôn phối hợp với Trạm khuyến nông và Trung tâm khuyến nông tỉnh Đồng Nai tổ chức nhiều lớp tập huấn, hội thảo cho nhân dân với các chuyên đề phòng trừ sâu hại trên cây bưởi, cây lúa, cây mía, trồng và chăm sóc các loại cây, áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp... Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp huyện đã vận động nông dân đầu tư mua sắm trang thiết bị, công cụ sản xuất tiên tiến để từng bước chuyển từ lao động thủ công sang lao động theo hướng cơ giới hóa.

+ Về đầu tư cơ sở hạ tầng: Hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư, điện lưới khép kín, hầu hết các hộ dân trong toàn huyện đều được lắp đặt điện kể chính sử dụng trong sinh hoạt và lao động. Khuyến khích đầu tư mở rộng du lịch sinh thái, kêu gọi nhân dân quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường. Các công trình xây dựng các tuyến đường giao thông được trải nhựa với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” với tổng kinh phí đầu tư hàng trăm tỷ đồng.

+ Về văn hóa - xã hội: Hệ thống giáo dục trong huyện hoạt động tốt và đạt kết quả cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được bổ sung hàng năm. Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các gia đình chính sách luôn được huyện quan tâm. Hiện nay, trên địa bàn huyện đã xây dựng một

số thiết chế văn hóa cơ sở và đi vào hoạt động phục vụ góp phần đào tạo năng khiếu, nơi vui chơi giải trí cho nhân dân, góp phần bảo tồn các truyền thống, các di sản văn hóa dân tộc tiêu biểu như: Nhà văn hóa cấp huyện, 05 Trung tâm văn hóa - thể thao cấp xã (Phú Lý, Tân An, Thiện Tân, Tân Bình, Bình Lợi)...

+ Về an ninh quốc phòng: Trật tự an toàn xã hội được giữ vững, mỗi ấp đều có chốt dân phòng, hàng đêm có lực lượng trực bảo vệ giữ bình yên cho nhân dân.

+ Về công tác chính quyền: Đội ngũ cán bộ công chức đang từng bước được chuẩn hóa, có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác quản lý Nhà nước trong tình hình mới.

CHƯƠNG BA

DÂN CƯ

1. Nguồn gốc dân cư

Vùng đất Vĩnh Cửu có lịch sử phát triển từ hàng ngàn năm và là nơi chứa đựng nhiều dấu tích văn hóa của các lớp dân cư trong suốt diễn trình lịch sử.

Theo các công trình nghiên cứu khảo cổ học, vùng đất huyện Vĩnh Cửu đã từng in dấu những bước chân đầu tiên của người nguyên thủy bên bờ sông Đồng Nai và sông Bé trong tiến trình khai thác, chiếm cư, lập làng, dựng ấp dọc sông và trên các cù lao từ 3500 - 3000 năm về trước. Đó là những di chỉ hình thành dọc ven bờ sông Đồng Nai và phụ lưu sông Bé như Suối Linh, Đồi Phòng Không, Thiện Tân... với những đặc điểm cư trú của người cổ miền sinh thái đồi gò phù sa cổ. Tại đây, các nhà khảo cổ đã tìm thấy một số lượng lớn công cụ và phác vật của công cụ sản xuất, đồ trang sức được làm từ đá, đất nung... như rìu, cuốc, đục, dao hái, dọi xe chỉ, khuôn đúc, vòng tay cùng rất nhiều mảnh gốm cổ cho thấy từ thời tiền sử đã có dấu vết con người sinh sống trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu. Các di vật này có niên đại khoảng 3500 - 3000 năm cách ngày nay.

Từ những lớp cư dân đầu tiên này hình thành nên những dân tộc bản địa sinh sống trên vùng đất Đồng Nai từ rất lâu đời: Choro, Mạ, S'tiêng, K'ho... trong đó người Choro là

đông nhất. Họ sinh sống trên những vùng đồi núi thấp của tỉnh Đồng Nai. Trong sách *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5 có mô tả về những dân tộc bản địa và gọi chung là người Man như sau: “người Man hình dáng đen, mặc vải hoa vàng, búi tóc, lỗ tai rộng chừng một tấc, râu bằng trúc gỗ, quần lưng bằng miếng vải, không có áo quần, ở nơi xa lánh, trước kia chưa quy phục. Khoảng đời Minh Mệnh, Thiệu Trị, tiết thứ sai người am hiểu tiếng Man, chia nhau đi chiêu dụ, từ đây họ mới cùng nhau quy phục, được liệt vào sổ đinh, bèn đặt phù sở để ràng buộc mà đánh thuế”. Theo kết quả nghiên cứu dân tộc học cho thấy, các dân tộc bản địa trên vùng đất Đồng Nai thuộc dòng Nam Á, tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer.

Từ thế kỷ XVI - XVII trở về sau, công cuộc di dân khai khẩn đất hoang của người Việt (chủ yếu là người Việt vùng Thuận Quảng) được tiến hành một cách hòa bình, âm thầm không có kế hoạch định trước, được thực hiện một cách lẻ tẻ, rời rạc và trở nên qui mô hơn sau khi mối quan hệ giao hiếu, hòa hảo giữa các chúa Nguyễn với vua Chân Lạp Preachey Chett ha II đã tạo điều kiện thuận lợi cho lưu dân người Việt vào vùng đất Đồng Nai làm ăn sinh sống.

Tại Vĩnh Cửu, ban đầu những người di cư chủ yếu tập trung tại các vùng gần sông nhằm thuận tiện cho việc đi lại bằng ghe, thuyền. Họ hình thành nên các thôn, làng nhằm tương trợ lẫn nhau trên vùng đất mới và cùng góp phần xây dựng vùng đất Vĩnh Cửu ngày càng phồn vinh. Cho đến nay,

dấu ấn của những ngôi làng xưa vẫn còn in đậm trên các vùng Tân Triều, Bình Hòa, Bình Lợi, Bình Ý, Thiện Tân, Thanh Phú...

2. Sự biến động của dân cư qua các thời kỳ lịch sử

Vĩnh Cửu cũng như nhiều địa phương khác trong tỉnh Đồng Nai, quá trình hình thành và phát triển dân cư đã đồng hành với các đặc điểm trong thời gian dài, sống xen kẽ, đa dân tộc, đa tôn giáo, phát triển cả hai hướng tự nhiên và cơ học.

Từ thế kỷ XVI trở đi, cuộc xung đột dai dẳng giữa hai tập đoàn thống trị Lê - Mạc kéo dài gần một thế kỷ và cuộc chiến tranh đẫm máu giữa hai tập đoàn Trịnh - Nguyễn làm nhân dân vô cùng khốn khổ, đời sống điêu linh. Một số người dân ở đồng bằng sông Hồng, Thanh Nghệ Tĩnh phiêu bạt, phải đi tìm miền đất mới để tị nạn, lập nghiệp, làm ăn sinh sống.

Trong sách *Biên Hòa sử lược toàn biên*, tập 1 có viết: “Thời kỳ ấy, nước Nam bị hai họ Trịnh, Nguyễn phân tranh, gây cảnh loạn lạc, nhơn dân ly tán. Một số từ Thuận Quảng tự động dấn thân vào phong trào nam tiến để lánh nạn. Số lưu dân này dừng bước tại Nông Nại, Bà Ly, trên các vùng đất hoang nước ngọt (cam thủy), đầy màu mỡ tổ chức canh tác, rồi lập nghiệp luôn tại Thủy Chân Lạp”.

Địa chí tỉnh Biên Hòa xuất bản năm 1924 viết: “Khoảng năm 1650, người Việt Nam qua mũi Đại Lãnh dùng thuyền

vào vùng Đồng Nai; họ cùng với dân bản địa khai hoang lập ấp chung sống với nhau hòa thuận. Lưu dân vào Đồng Nai thời kỳ này là những nông dân nghèo bị áp bức, bóc lột mất hết ruộng đất không sống nổi ở quê hương phải vượt biển vào đây; là những tội đồ bị lưu đày; là những người trốn tránh binh dịch, lính đào ngũ... Họ di cư tự động vào phương Nam xa xôi với hy vọng thoát ách áp bức bóc lột”.

Những năm sau 1698, sau khi đã lập huyện, tổng, xã, làng... tại vùng đất phương Nam, chính quyền phong kiến nhà Nguyễn đã tăng cường khuyến khích các địa chủ, quan lại vùng Ngũ Quảng, Bình Định... mộ dân lưu vong, đem theo nô tì vào khẩn hoang. Lúc này trên toàn khu vực số dân đã lên đến 40 vạn hộ, nếu tính bình quân mỗi hộ là 5 người thì tổng nhân khẩu là khoảng 200.000 người. Trong sách *Đại Nam nhất thống chí*, tập 5 có đề cập đến số đinh thời Gia Long (1808) là 10.600 người. Năm 1832, dân số trấn Biên Hòa tăng lên 20.841 người bao gồm cả người Việt, người Hoa và người Thượng.

Những tài liệu nói về thành phần dân cư và dân số trên vùng đất Đồng Nai nói chung, Vĩnh Cửu nói riêng vào giai đoạn lịch sử nêu trên còn lưu lại đến nay không nhiều và có ít số liệu cụ thể, chi tiết. Chỉ có thể dựa vào tài liệu chung về trấn Biên Hòa trước năm 1832 và của tỉnh Biên Hòa sau năm 1832 để hình dung tình hình dân số trong giai đoạn lịch sử này. Dựa theo các tài liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn, Nguyễn Đình Đầu và Nguyễn Thế Anh, để có thể biết được